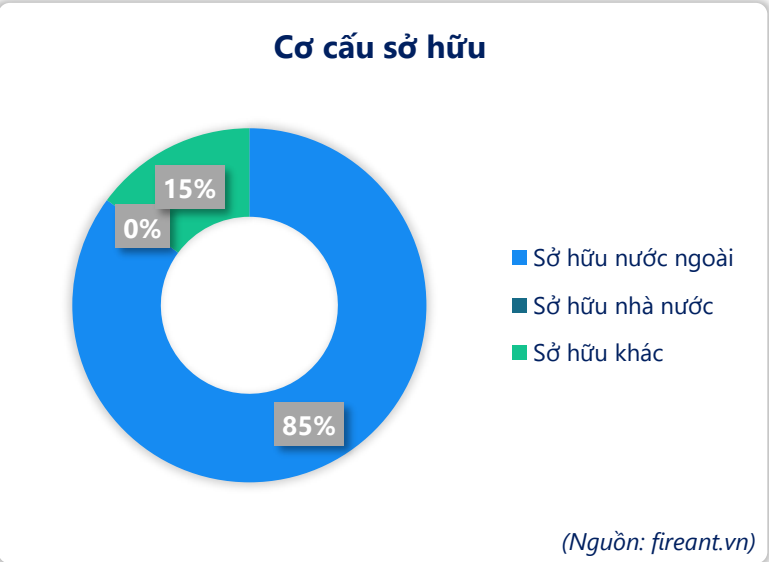
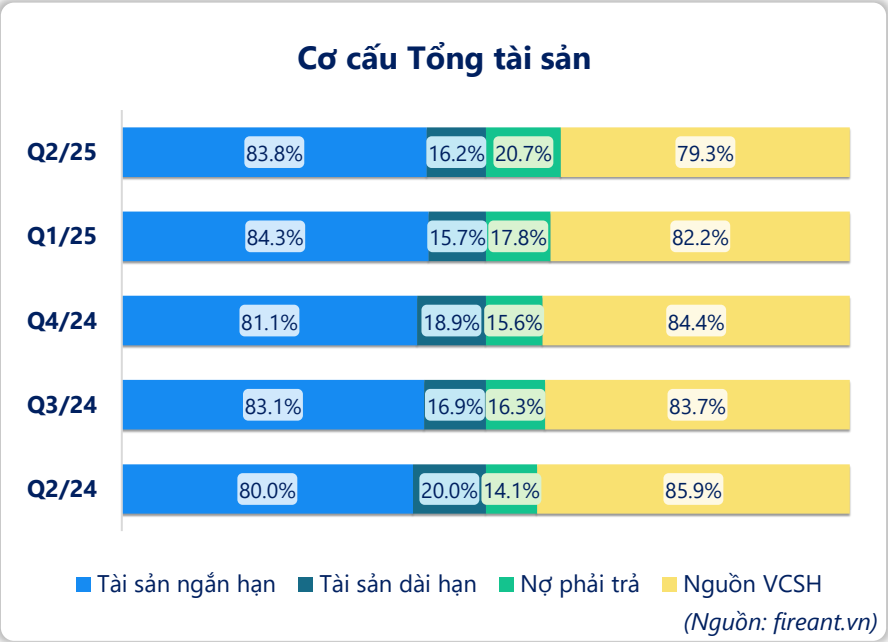
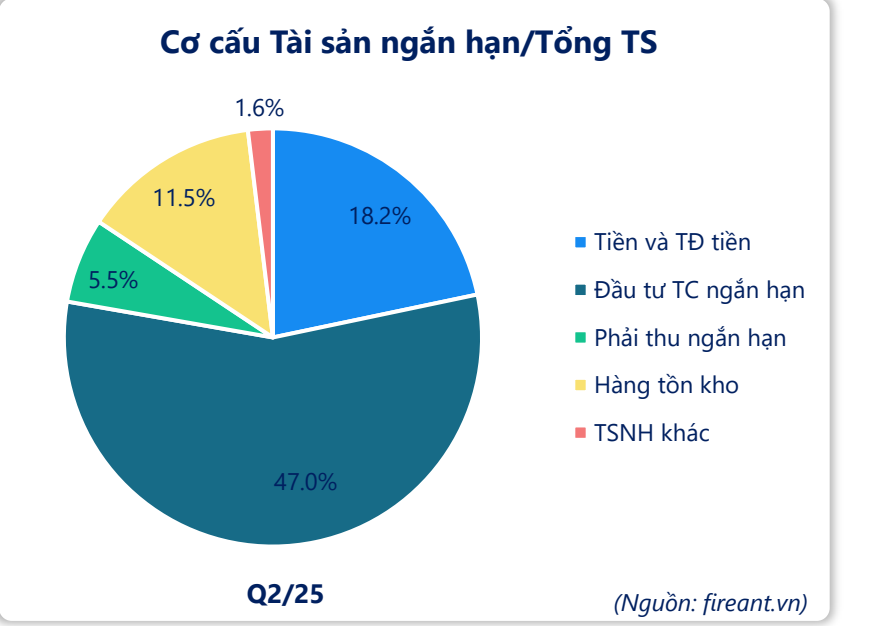
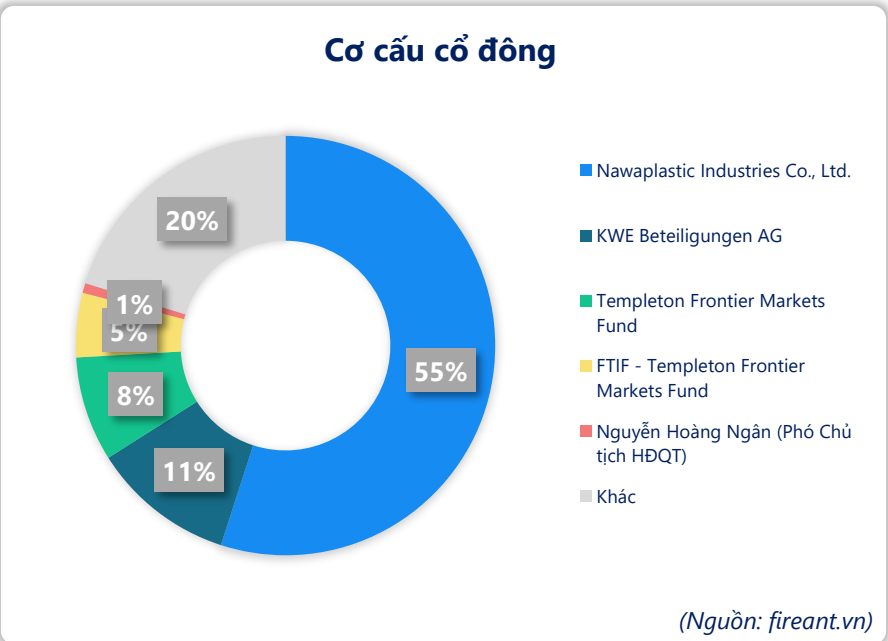
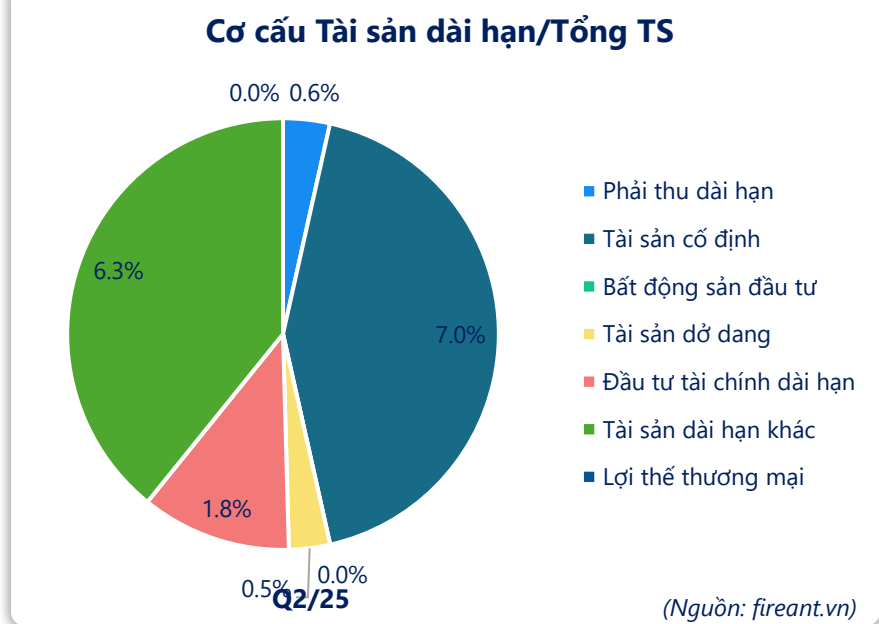


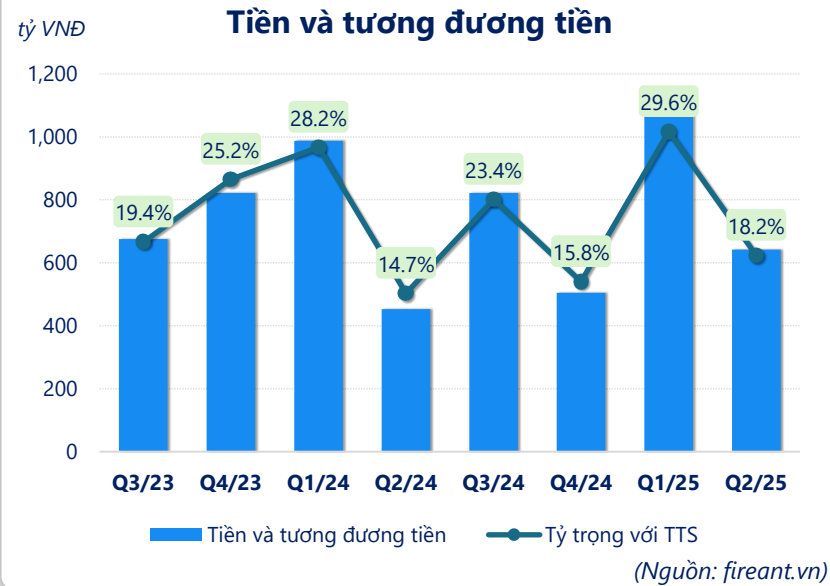
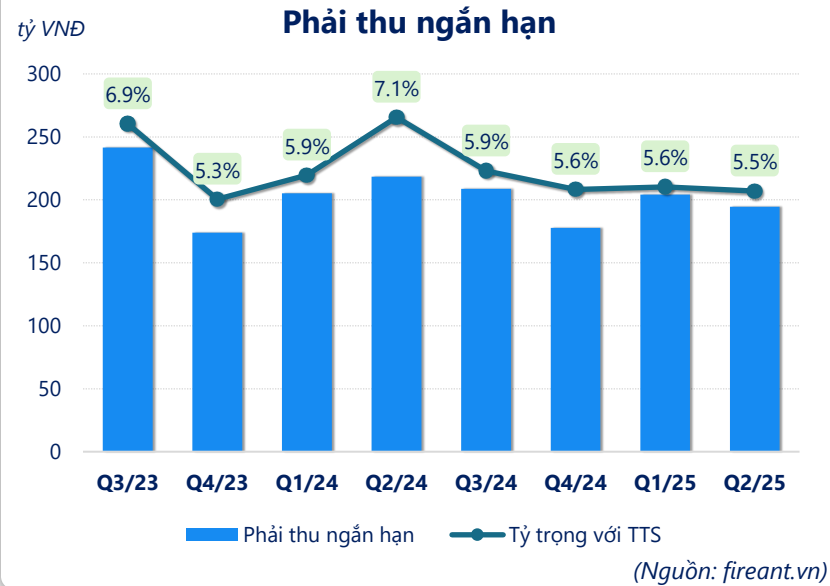
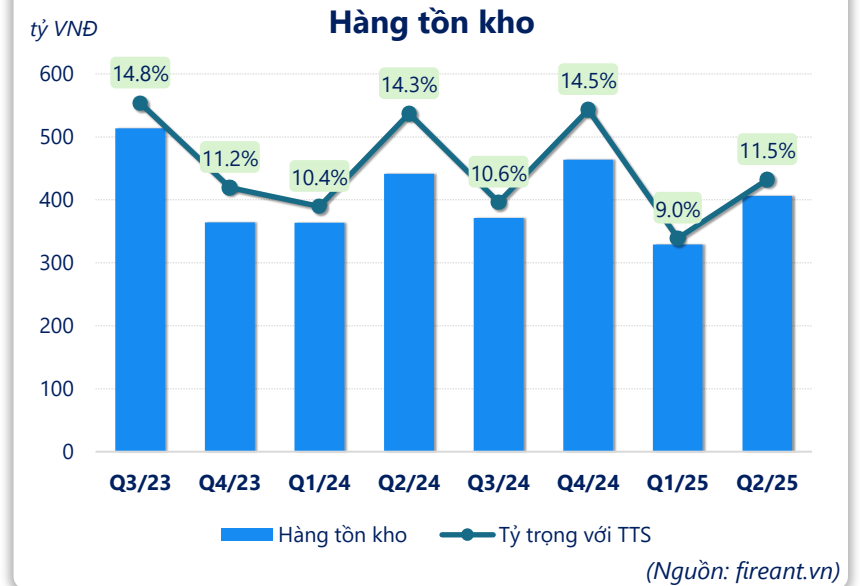
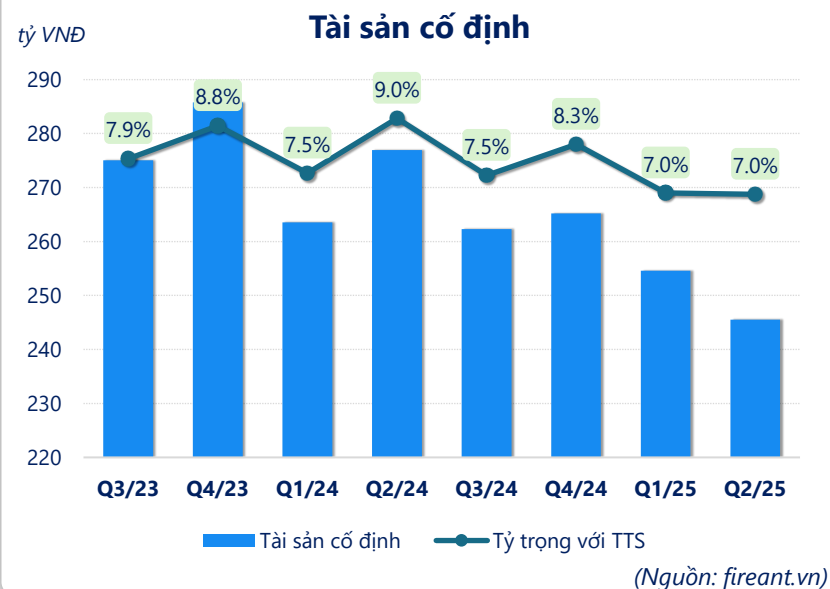
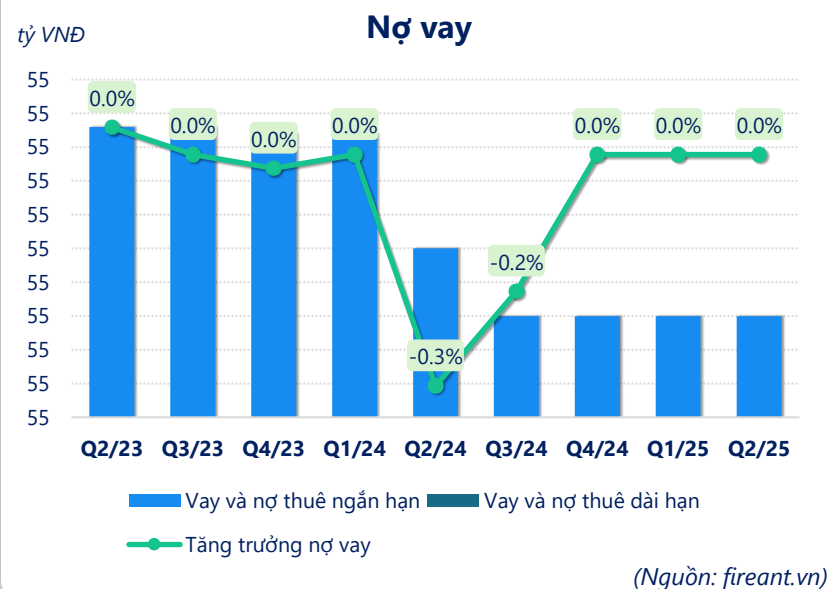
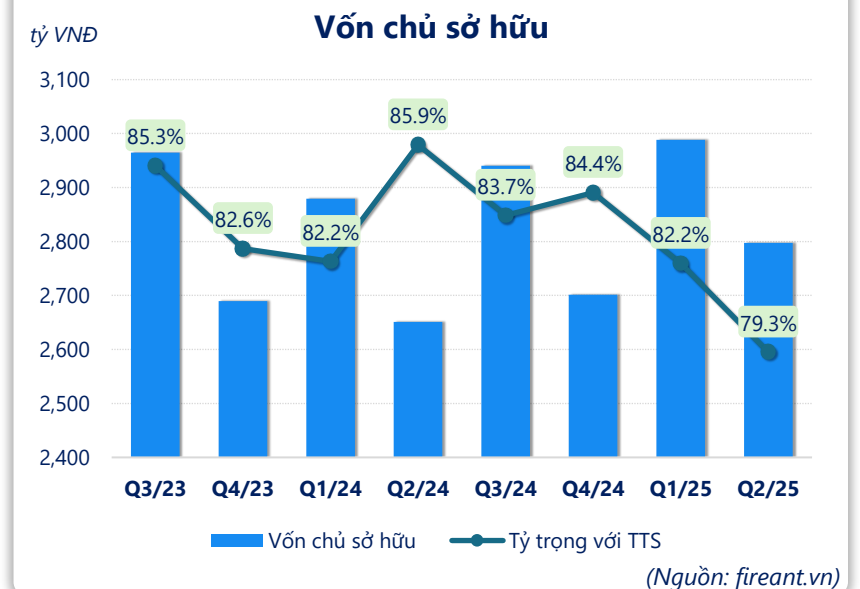
Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		140,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		144,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		83,351
SL cổ phiếu LH		81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)		161,360
% sở hữu nước ngoài		85.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,485
P/E		10.1
EPS		13,894

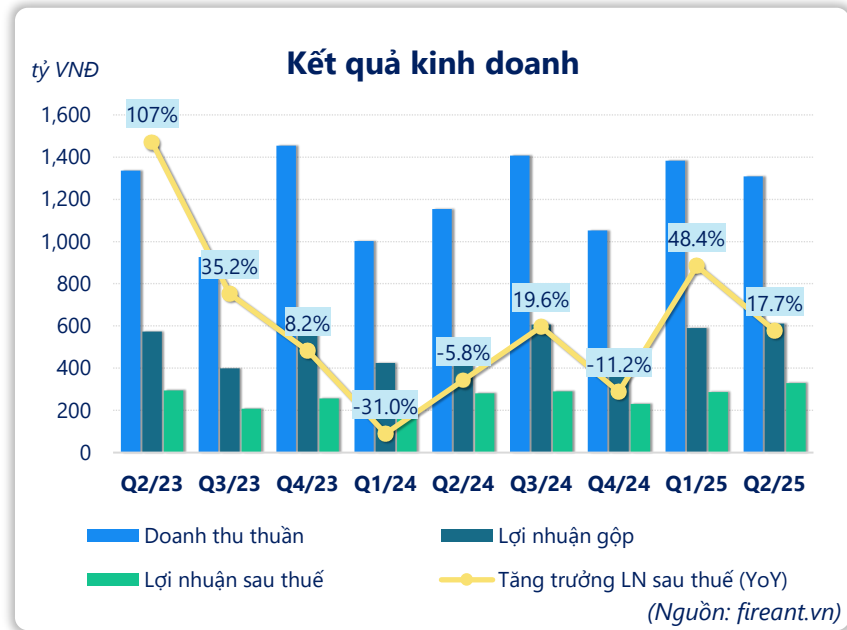
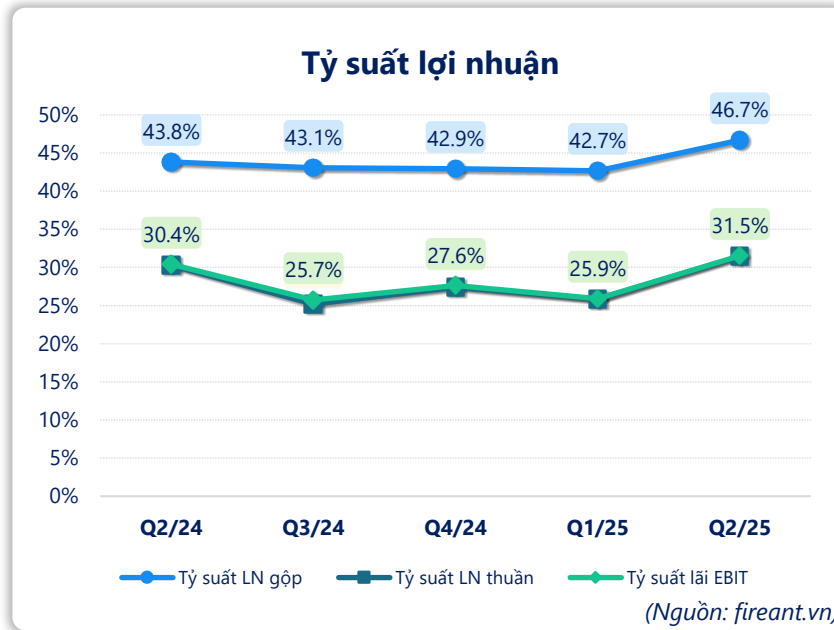
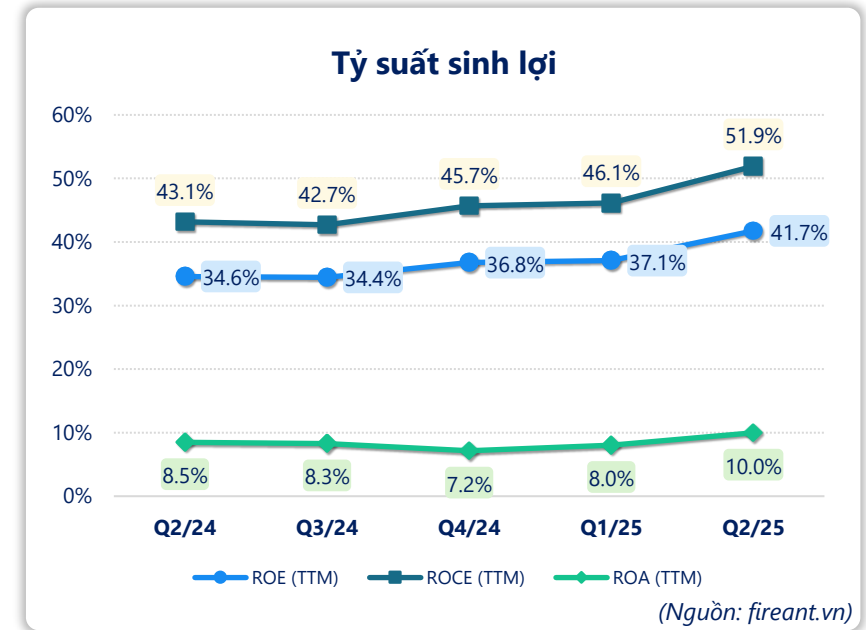
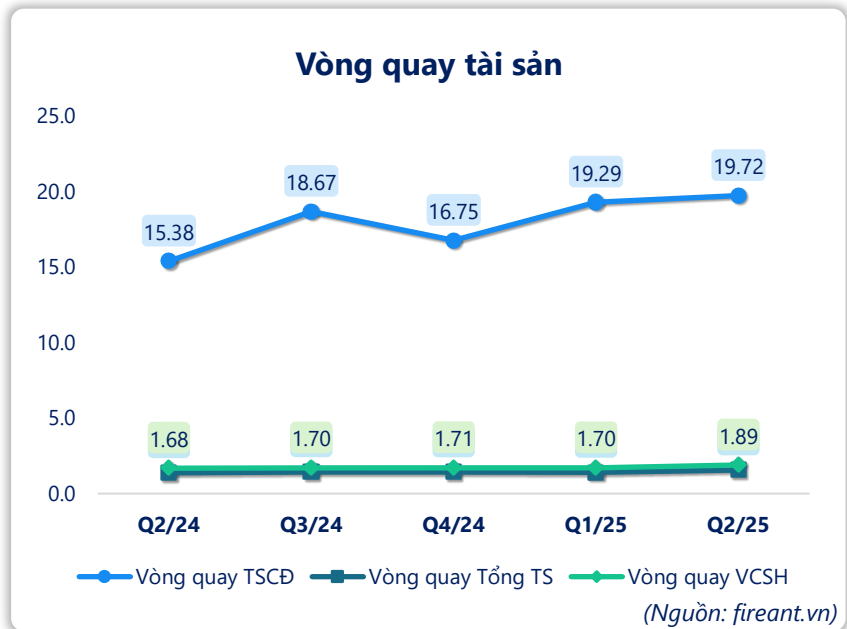
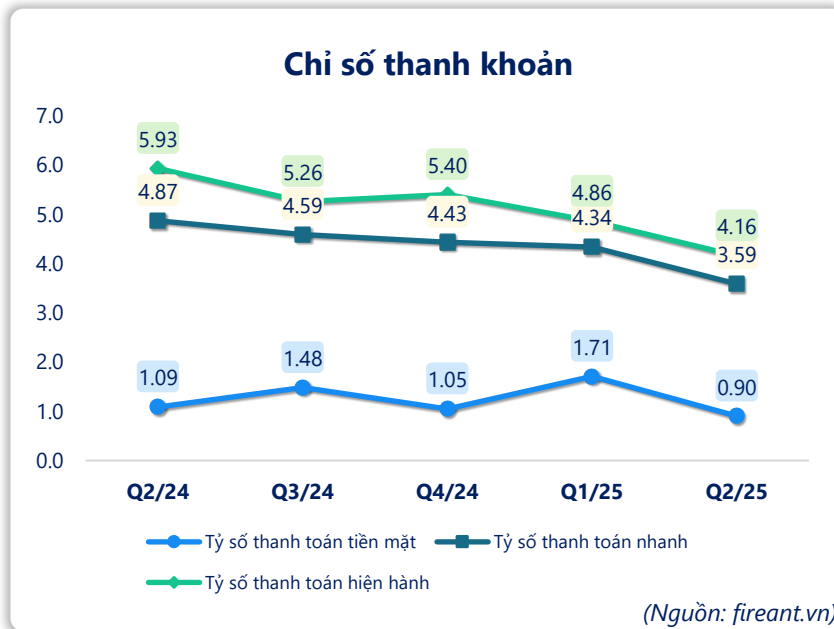
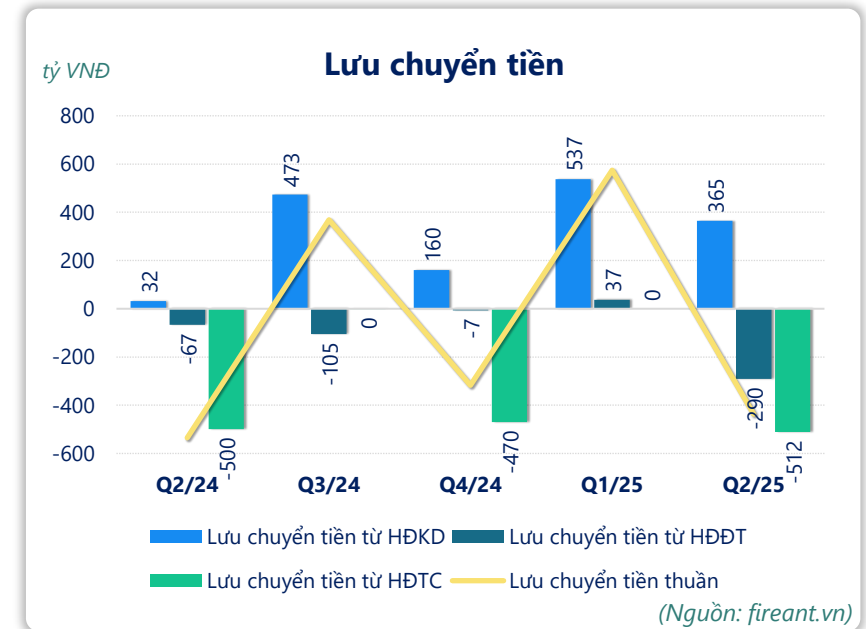
	YTD	1T	3T	6T
BMP	10.1%	0.5%	22.8%	6.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%



CTCP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,526	3,200	10.2%
Tài sản ngắn hạn	2,955	2,596	13.8%
Tiền và tương đương tiền	641	504	27.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,656	1,410	17.4%
Phải thu ngắn hạn	195	178	9.5%
Hàng tồn kho	406	464	-12.4%
Tài sản ngắn hạn khác	56.6	40.6	39.5%
Tài sản dài hạn	571	604	-5.5%
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản cố định	246	265	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.5	19.6	-10.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.2	63.8	0.7%
Tài sản dài hạn khác	224	236	-5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	728	499	46.0%
Nợ ngắn hạn	711	481	47.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.9	54.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	174	172	0.9%
Nợ dài hạn	17.5	17.8	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,798	2,702	3.6%
Vốn chủ sở hữu	2,798	2,702	3.6%
Vốn điều lệ	819	819	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,153	1,407	1,053	1,383	1,308
Giá vốn hàng bán	648	801	601	793	697
Lợi nhuận gộp	506	606	452	590	611
Doanh thu HĐTC	17.0	20.1	22.5	21.1	25.4
Chi phí TC	32.6	71.5	30.0	39.8	37.9
Chi phí lãi vay	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trong công ty LKLD	-0.14	0.12	-0.20	0.15	0.31
Chi phí bán hàng	117	165	122	182	150
Chi phí QLDN	23.2	35.0	33.2	32.0	37.4
LN thuần từ HĐKD	349	354	289	357	412
Lợi nhuận khác	1.12	7.71	2.01	1.17	0.65
LN trước thuế	350	362	291	359	412
Lợi nhuận sau thuế	280	290	231	287	330
LNST của CĐ cty mẹ	280	290	231	287	330

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.7	473	160	537	365
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-67.0	-105	-7.27	37.2	-290
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-500	-0.10	-470	0	-512
Tiền đầu kỳ	988	453	821	504	1,078
Lưu chuyển tiền thuần	-535	369	-317	574	-437
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.03	0	0
Tiền cuối kỳ	453	821	504	1,078	641

(Nguồn: fireant.vn)